



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 40



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Huỳnh Văn Cường	Chủ tịch
Ông Võ Hoàng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Quý Hà	Thành viên
Ông Hồ Lương Quân	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tới	Thành viên
Bà Bùi Như Ý	Thành viên
Bà Lê Thu Thủy	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Võ Hoàng Giang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2016)
Ông Trần Ngọc Thạch	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2016)
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2016)
Ông Nguyễn Uyên Minh	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Hương	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đỗ Tuấn Nam	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Dương Thị Thu Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN**  
3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Võ Hoàng Giang**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 22 tháng 3 năm 2017

2500  
NH  
NG  
HIỆM  
OI  
TN  
P.H



Số: 488 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2017, từ trang 5 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã nêu tại Thuyết minh số 28 và Thuyết minh số 38, phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, thực hiện theo hướng dẫn của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ban hành ngày 18 tháng 7 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (gọi tắt là "cổ phần hóa"), Công ty đã chuyển hình thức hoạt động sang công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 10 năm 2015. Tuy nhiên, việc quyết toán vốn nhà nước và quyết toán thuế cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 trước khi Công ty cổ phần hóa chưa được thực hiện. Khi hoàn thành việc quyết toán vốn nhà nước và quyết toán thuế, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh số liệu cho kỳ kế toán có liên quan.



Như trình bày tại Thuyết minh số 4 và Thuyết minh số 18, phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP – PSA (“SP-PSA”) và Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép phát sinh khoản lỗ lũy kế với số tiền lần lượt là (2.020.127.978.616) đồng và (3.216.949.468.019) đồng, đã vượt quá vốn chủ sở hữu của hai đơn vị này (vốn chủ sở hữu lần lượt là: 1.025.956.600.000 đồng và 1.110.319.149.822 đồng). Theo đó, khoản tổn thất đầu tư tài chính cần phải lập dự phòng lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 tương ứng với tổng số vốn đầu tư vào hai công ty này lần lượt là 481.093.320.000 đồng và 166.684.573.980 đồng. Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Công văn số 206/BTC-TCDN do Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 3 năm 2015, Công ty được trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính theo tình hình thực tế sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5 năm (bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2015, thời điểm Công ty chính thức chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH 100% vốn Nhà nước sang hình thức công ty cổ phần). Trong năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào SP-PSA và Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép với số tiền lần lượt là 277.027.100.000 đồng và 95.972.900.000 đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, khoản đầu tư trị giá 897.410.571.173 đồng vào Công ty Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn – SSA (Công ty liên kết của Công ty), đã phát sinh khoản tổn thất cần phải lập dự phòng đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 745.154.406.686 đồng. Tuy nhiên, theo Công văn số 8164/BTC-TCDN do Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2014, Công ty liên doanh này đang trong thời gian xây dựng cơ bản và trong giai đoạn ngủ đông từ năm 2013 đến năm 2016. Do đó, chưa có đủ căn cứ để xác định tổn thất (nếu có) liên quan đến khoản đầu tư nên Công ty chưa trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư tài chính vào công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề trên.

#### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, là báo cáo tài chính đầu tiên từ khi Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán độc lập ký ngày 02 tháng 3 năm 2016 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Võ Thái Hòa**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0138-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 22 tháng 3 năm 2017  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Văn Đình Khuê**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1178-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>856.548.912.100</b>	<b>373.265.759.478</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>138.328.988.290</b>	<b>156.629.372.237</b>
1. Tiền	111		61.828.988.290	44.595.802.698
2. Các khoản tương đương tiền	112		76.500.000.000	112.033.569.539
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>236.489.861.100</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	236.489.861.100	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>448.200.870.544</b>	<b>204.921.252.865</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	229.532.232.888	107.500.742.675
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.517.040.226	6.884.989.324
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	273.595.952.577	90.535.520.866
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(57.444.355.147)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>32.798.001.652</b>	<b>11.703.419.758</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	32.798.001.652	11.703.419.758
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>731.190.514</b>	<b>11.714.618</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		704.709.223	6.777.818
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	4.936.800
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		26.481.291	-





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.326.562.651.987</b>	<b>3.640.394.929.225</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>249.907.680.000</b>	<b>329.338.648.070</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	-	48.913.521.129
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	249.907.680.000	285.375.979.086
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	-	(4.950.852.145)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>441.266.912.228</b>	<b>504.646.424.617</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	411.516.594.240	475.609.924.339
- Nguyên giá	222		1.854.076.600.749	1.857.366.652.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.442.560.006.509)	(1.381.756.728.571)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	29.750.317.988	29.036.500.278
- Nguyên giá	228		57.346.495.122	55.479.495.122
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.596.177.134)	(26.442.994.844)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>214.216.156.258</b>	<b>219.632.877.010</b>
- Nguyên giá	231		222.174.136.000	222.174.136.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.957.979.742)	(2.541.258.990)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>32.587.421.003</b>	<b>29.095.953.084</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	32.587.421.003	29.095.953.084
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.381.616.515.501</b>	<b>2.555.966.713.398</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	832.866.575.373	832.866.575.373
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	1.425.302.477.482	1.632.460.530.156
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	468.760.138.128	168.759.138.128
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	18	(375.193.145.223)	(108.000.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	19	29.880.469.741	29.880.469.741
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.967.966.997</b>	<b>1.714.313.046</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.147.027.497	1.494.733.064
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	3.820.939.500	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	-	219.579.982
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>4.183.111.564.087</b>	<b>4.013.660.688.703</b>

30-06  
HÀNH  
TỶ  
NHỮU  
TTE  
NAM  
HỒ C

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.918.259.883.480</b>	<b>1.797.852.382.200</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>567.975.412.666</b>	<b>350.690.763.579</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	32.564.012.711	36.596.064.011
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.860.764.622	3.388.073.324
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	26.387.695.774	10.069.994.996
4. Phải trả người lao động	314		62.580.679.092	48.619.956.339
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	18.810.862.326	52.272.727
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	24	314.274.152.247	152.181.407.523
7. Vay ngắn hạn	320	25	79.980.536.274	62.570.064.576
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	28.516.709.620	37.212.930.083
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.350.284.470.814</b>	<b>1.447.161.618.621</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	24	851.703.926.520	890.698.568.006
2. Vay dài hạn	338	25	479.475.846.794	556.463.050.615
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	27	19.104.697.500	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.264.851.680.607</b>	<b>2.215.808.306.503</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>28</b>	<b>2.264.851.680.607</b>	<b>2.215.808.306.503</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.162.949.610.000	2.162.949.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.162.949.610.000	2.162.949.610.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.378.989.194	20.378.989.194
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.523.081.413	32.479.707.309
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		31.760.990.795	6.026.185.105
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/kỳ này	421b		49.762.090.618	26.453.522.204
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>4.183.111.564.087</b>	<b>4.013.660.688.703</b>



**Hoàng Đình Phi**  
Người lập biểu



**Nguyễn Thị Thu Hà**  
Kế toán trưởng



**Võ Hoàng Giang**  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	TỪ 01/10/2015 ĐẾN 31/12/2015	
			Năm nay	
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	31	1.073.537.313.273	301.319.069.405
2. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ (10=01)	10		1.073.537.313.273	301.319.069.405
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	32	618.105.574.906	155.116.992.275
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		455.431.738.367	146.202.077.130
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	22.488.006.073	2.533.497.844
6. Chi phí tài chính	22	35	288.255.745.716	112.764.642.917
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.813.111.442	4.515.318.930
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	211.617.326.127	37.007.900.279
8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		(21.953.327.403)	(1.036.968.222)
9. Thu nhập khác	31	37	86.395.931.168	23.413.894.141
10. Chi phí khác	32		3.980.313.027	52.016.473
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		82.415.618.141	23.361.877.668
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		60.462.290.738	22.324.909.446
13. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	14.521.139.620	(4.128.612.758)
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	20	(3.820.939.500)	-
<b>15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>49.762.090.618</b>	<b>26.453.522.204</b>




**Hoàng Đình Phi**  
Người lập biểu



**Nguyễn Thị Thu Hà**  
Kế toán trưởng



  
**Võ Hoàng Giang**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 22 tháng 3 năm 2017



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	60.462.290.738	22.324.909.446
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	75.045.927.072	20.379.208.639
Các khoản dự phòng	03	337.791.345.725	112.950.852.145
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	8.249.489.051	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(23.032.716.881)	(2.407.817.575)
Chi phí lãi vay	06	13.813.111.442	4.515.318.930
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	472.329.447.147	157.762.471.585
Thay đổi các khoản phải thu	09	(368.781.040.114)	110.545.240.090
Thay đổi hàng tồn kho	10	(21.572.933.317)	1.826.154.851
Thay đổi các khoản phải trả	11	159.024.256.215	(162.131.765.866)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.652.294.433)	1.076.638.629
Tiền lãi vay đã trả	14	(13.813.111.442)	(5.445.082.723)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.132.546.439)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	487.629.092	38.181.819
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.399.826.526)	(8.685.751.053)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>213.489.580.183</b>	<b>94.986.087.332</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(11.434.222.788)	(3.335.293.800)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	4.465.791.643	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(236.489.861.100)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	138.019.688.166
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(15.368.799.086)	(274.072.342.123)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	75.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.920.153.603	2.445.544.507
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(163.906.937.728)</b>	<b>(146.942.403.250)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	250.248.960.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(318.196.614.576)	(32.447.042.592)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(67.947.654.576)</b>	<b>(32.447.042.592)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	50	<b>(18.365.012.121)</b>	<b>(84.403.358.510)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>156.629.372.237</b>	<b>241.032.730.747</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	64.628.174	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	70	<b>138.328.988.290</b>	<b>156.629.372.237</b>

*Hoàng Đình Phi*

Hoàng Đình Phi  
Người lập biểu

*Nguyễn Thị Thu Hà*

Nguyễn Thị Thu Hà  
Kế toán trưởng



*Võ Hoàng Giang*  
Võ Hoàng Giang  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2017



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ("Vinalines"), tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một Thành viên (100% vốn nhà nước) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300479714 đăng ký lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 01 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 10 năm 2015, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH Một Thành viên sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300479714 sửa đổi lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 10 năm 2015.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết vào ngày 25 tháng 4 năm 2016 với mã chứng khoán là SGP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.262 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.328).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác biển. Cho thuê cơ sở hạ tầng cảng biển. Bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển;
- Kinh doanh kho bãi cảng; kinh doanh dịch vụ logistics, kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Dịch vụ giao nhận, bảo quản, đóng gói hàng hóa. Xếp dỡ, giao nhận, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;
- Dịch vụ địa lý vận tải đường biển. Đại lý tàu biển. Môi giới hàng hải. Lai dắt tàu biển. Cứu hộ hàng hải;
- Sửa chữa tàu biển tại cảng; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ vệ sinh tàu biển, cung ứng tàu biển;
- Quản lý, khai thác, cho thuê cầu cảng; Kho bãi chứa hàng, phao neo, thiết bị xếp dỡ, phương tiện vận tải thủy bộ và các thiết bị chuyên dùng ngành hàng hải; Dịch vụ khai thuê hải quan, mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu ngành hàng hải, giao thông, xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, cơ khí; dịch vụ trung chuyển container tại cảng biển;
- Đóng mới và sửa chữa sà lan, ca nô tàu kéo (trừ thiết kế phương tiện vận tải); sản xuất và sửa chữa thiết bị xếp dỡ, phương tiện vận tải thủy bộ và các thiết bị chuyên ngành hàng hải; tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng, giám sát thi công); thi công xây dựng hệ thống cầu, đường thủy lợi, cấp thoát nước;
- Thi công xây dựng, duy tu, sửa chữa các công trình giao thông thủy, công trình giao thông đường bộ, cầu tàu bến bãi, nhà cửa, công trình dân dụng, công nghiệp; san lấp nền, mặt bằng cơ sở hạ tầng, nạo vét phao neo, cầu cảng;
- Sản xuất, mua bán thiết bị vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở công ty);
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế; kinh doanh bất động sản, kinh doanh khách sạn – chế biến và mua bán than mỏ (không hoạt động tại trụ sở công ty);
- Đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán chế biến hàng nông sản lương thực, thực phẩm (không chế biến tại trụ sở công ty);
- Tư vấn quản lý doanh nghiệp, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm cung cấp dịch vụ khai thác cảng, kinh doanh bất động sản, xây lắp và hoạt động khác liên quan đến cảng.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.





**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng**

Khu Cảng Nhà Rộng – Khánh Hội của Công ty nằm trong quy hoạch di dời ra khu vực Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh và chuyển đổi công năng theo Nghị Quyết số 20/NQ – TW ngày 18 tháng 11 năm 2002 của Bộ Chính Trị và Quyết định số 791/QĐ - TTg Ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Nhóm cảng biển khu vực TP. Hồ Chí Minh – Đồng Nai – Bà Rịa Vũng Tàu (Nhóm cảng biển số 5) đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

Ngày 30 tháng 11 năm 2015, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 6331/QĐ-UBND phê duyệt đồ án chi tiết tỉ lệ 1/500 Tiểu khu Cảng Quận 4. Theo đó, khu Cảng Nhà Rộng – Khánh Hội được quy hoạch chuyển đổi công năng thành khu đô thị mới đa chức năng. Ngày 29 tháng 12 năm 2016, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 6815/QĐ-UBND chấp thuận cho Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông là nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư Khu phức hợp Nhà Rộng - Khánh Hội.

Việc di dời khu Cảng Nhà Rộng – Khánh Hội dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2017.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 9 chi nhánh, 5 công ty con và 4 công ty liên kết.

**Chi nhánh:**

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Cảng Nhà Rộng Khánh Hội	157 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Cảng Tân Thuận	18B Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Cảng Tân Thuận 2	242 Bùi Văn Ba, khu phố 2, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Xí nghiệp Xây dựng Công trình cảng	4-5 Trương Đình Hối, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Cảng hành khách Tàu biển	5 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Xí nghiệp Lai dắt tàu biển	3 Trương Đình Hối, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	Nhà máy thép Phú Mỹ, khu CN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Chi nhánh Hải Phòng	Khu Đầm Mắm - Hạ Đoạn 2, P.Đông Hải, Q.Hải An, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Trung tâm Kinh doanh Bất Động Sản	218 - 220 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**Các công ty con:**

Công ty Cổ phần Logistic Cảng Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty Logistic") là công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Placo - Cảng Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003669, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 8 năm 2012. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Logistic là cung cấp dịch vụ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Logistic là 73,97%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước (gọi tắt là "Công ty Hiệp Phước") là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003440 ngày 30 tháng 5 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25 tháng 10 năm 2013. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Hiệp Phước là 90,54%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty Thương mại Dịch vụ") là công ty được chuyển đổi từ chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn – Xí nghiệp Cơ khí và Dịch vụ Hàng hải theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309585467 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Thương mại Dịch vụ là đóng tàu và cấu kiện nổi; sản xuất các thiết bị nâng, hạ, bốc xếp; gia công cơ khí; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Thương mại Dịch vụ là 63,31%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2015.





Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty Vận tải") là công ty được chuyển đổi từ chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn – Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Khánh Hội theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309585435 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Vận tải là cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ hàng hóa; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan; dịch vụ đại lý tàu biển; vận tải hàng hóa bằng ô tô; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Vận tải là 51%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty Xếp dỡ") tiền thân là Xí nghiệp Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 403/QĐ- HĐQT của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 2010. Công ty Xếp dỡ đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310346174 ngày 30 tháng 09 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19 tháng 11 năm 2012. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Xếp dỡ là cung cấp dịch vụ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty Xếp dỡ là 51,43%, không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Các công ty liên kết (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 16):**

- Công ty Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA
- Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn
- Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập cho giai đoạn 12 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 trong khi số liệu so sánh là báo cáo tài chính được lập cho giai đoạn 3 tháng từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán, là báo cáo tài chính đầu tiên của Công ty từ khi chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần. Do đó, số liệu giữa hai kỳ kế toán có thể không so sánh được.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính được lập cho giai đoạn 3 tháng từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, là báo cáo tài chính đầu tiên của Công ty từ khi chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. Tuy nhiên, việc áp dụng này không có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh.





#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

###### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết).

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

###### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

###### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

###### **Các khoản đầu tư tài chính**

###### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cổ phiếu với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

###### **Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết**

###### **Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.





*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư 228 và các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư 228, Thông tư 89 và Công văn số 206/BTC-TCDN ngày 24 tháng 3 năm 2015 hướng dẫn trích lập tổn thất các khoản đầu tư tài chính trong phương án sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn sau cổ phần hóa. Theo đó, nếu việc trích lập dự phòng tổn thất tài chính theo quy định mà Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn có phát sinh lỗ đột biến với giá trị lớn (tương ứng với giá trị đã hoàn nhập khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) thì được trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính theo tình hình thực tế sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5 năm.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập phù hợp với các quy định hiện hành.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư 228, Thông tư 89 và Công văn số 206/BTC-TCDN ngày 24 tháng 3 năm 2015 hướng dẫn trích lập tổn thất các khoản đầu tư tài chính trong phương án sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn sau cổ phần hóa. Theo đó, nếu việc trích lập dự phòng tổn thất tài chính theo quy định mà Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn có phát sinh lỗ đột biến với giá trị lớn (tương ứng với giá trị đã hoàn nhập khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) thì được trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính theo tình hình thực tế sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5 năm.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

01/12/2015  
CHI N  
CÔN  
TỊCH NHỊ  
DELO  
VIỆT  
- TP.



**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	1 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	1 - 15
Thiết bị văn phòng	5 - 8

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước thì nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 10 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

10-002  
HÀNH  
S TY  
KHUU  
ITTE  
NAM  
HỒ CH



#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí nâng cấp tài sản thuê, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### **Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đối với khoản vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), theo hướng dẫn của Công văn số 4521/TC-TCĐN ban hành bởi Cục Tài chính Doanh nghiệp ngày 05 tháng 5 năm 2003 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá đối với khoản vay từ ADB phục vụ cho Dự án mở rộng và nâng cấp Cảng Sài Gòn thì số dư ngoại tệ cuối năm các khoản vay với ADB được đánh giá lại theo tỷ giá hạch toán ngân sách do Bộ Tài chính thông báo hàng tháng tại thời điểm đánh giá lại.



**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.183.053.494	1.086.036.457
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.645.934.796	43.509.766.241
Các khoản tương đương tiền (*)	76.500.000.000	112.033.569.539
	<b>138.328.988.290</b>	<b>156.629.372.237</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng với lãi suất từ 4% đến 5,4%/năm (kỳ hoạt động từ 01 tháng 10 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015; lãi suất từ 4 đến 5%/năm).

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 5% đến 7%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP An Bình với tổng số tiền 1.000.000 đô la Mỹ hoặc Việt Nam đồng tương đương đang được dùng làm bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết Minh số 25.





**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	131.569.831.500	23.323.828.500
Phải thu các đối tượng khác	93.737.757.353	83.682.914.643
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 41)	4.224.644.035	493.999.532
	<b><u>229.532.232.888</u></b>	<b><u>107.500.742.675</u></b>
<b>b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>		
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	-	40.306.509.000
Phải thu các đối tượng khác	-	6.038.130.985
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 41)	-	2.568.881.144
	<b><u>-</u></b>	<b><u>48.913.521.129</u></b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu về cổ phần hóa (i)	28.719.686.558	28.719.686.558
Tạm ứng cho nhân viên	604.174.025	1.557.993.298
Phải thu Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước (ii)	213.125.608.013	55.992.379.693
Trả thay SSA cho Tổng Công ty Xây dựng Số 1 ("CC1") (iii)	20.000.000.000	-
Phải thu khác	11.146.483.981	4.265.461.317
	<b><u>273.595.952.577</u></b>	<b><u>90.535.520.866</u></b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Trả thay SSA cho Tổng Công ty Xây dựng Số 1 ("CC1") (iii)	-	35.368.799.086
Bảo lãnh khoản vay cho Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA (iv)	249.907.680.000	249.907.680.000
Đặt cọc dài hạn	-	99.500.000
	<b><u>249.907.680.000</u></b>	<b><u>285.375.979.086</u></b>

(i) Phải thu về cổ phần hóa bao gồm các khoản chi phí cho việc thực hiện cổ phần hóa như chi phí cổ phần hóa, chi phí hỗ trợ cho nhân viên nghỉ việc và các khoản chi phí khác liên quan do việc quyết toán vốn Nhà nước sau cổ phần hóa tại Công ty vẫn chưa được thực hiện xong.

(ii) Đây là khoản tạm ứng vốn từ Ngân sách Nhà nước cho Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước, công ty con của Công ty để thực hiện công tác xây dựng cơ bản theo Biên bản hợp giữa các đối tác tham gia dự án chuyển đổi công năng khu Nhà Rộng Khánh Hội của Cảng Sài Gòn ngày 24 tháng 6 năm 2013. Sau khi hoàn thành công tác đầu tư và thực hiện quyết toán vốn ngân sách Nhà nước, khoản tiền này sẽ được chuyển thành khoản đầu tư vào công ty con.

(iii) Đây là khoản phải thu lại Công ty Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn ("SSA") – công ty liên kết của Công ty liên quan đến việc Công ty thay mặt SSA nhận và thanh toán công nợ giữa SSA và Tổng Công ty Xây dựng Số 1 ("CC1"). Chi tiết công nợ với CC1 được trình bày tại Thuyết minh số 24. Khoản thanh toán hộ này sẽ được chuyển thành vốn góp của Công ty trong SSA theo bản sửa đổi điều lệ Liên doanh ký ngày 20 tháng 12 năm 2014. Trong năm 2016, Công ty đã ghi nhận tăng vốn góp vào SSA với số tiền là 15.368.799.086 đồng, tương ứng với phần thanh toán công nợ cho CC1 trong năm.

01/12/2016  
 CHỈ I  
 CÔN  
 H NH  
 EL  
 IỆT  
 TP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

(iv) Theo hợp đồng bảo lãnh có hiệu lực từ tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH Cảng Sài Gòn (nay là Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn), Công ty PSA Vietnam Pte. Ltd. và Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP – PSA (Công ty liên doanh giữa Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và Công ty PSA Vietnam Pte. Ltd.), Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn nhận bảo lãnh cho khoản vay trị giá 11.880.000 đô la Mỹ (tương đương 249.907.680.000 đồng) giữa Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP – PSA (“bên đi vay”) và Công ty PSA Vietnam Pte. Ltd. (“bên cho vay”). Theo đó, Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị khoản vay nêu trên cho bên cho vay trong trường hợp Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP – PSA không đáp ứng được nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo cam kết khi đến hạn. Nghĩa vụ bảo lãnh được trình bày là khoản phải trả khác trên báo cáo tài chính (Thuyết minh số 24) tương ứng với khoản phải thu khác về giá trị nhận bảo lãnh.

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	VND Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi
<b>Nợ quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm</b>	<b>3.317.591.714</b>	<b>2.322.314.200</b>	-	-
Công ty TNHH MTV Vận Tải Biển Nam Triệu	1.831.016.388	1.281.711.472	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước	387.299.326	271.109.528.20	-	-
Công ty TNHH Dương Giang	785.010.000	549.507.000	-	-
Các đối tượng khác	314.266.000	219.986.200	-	-
<b>Nợ quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm</b>	<b>31.996.322.318</b>	<b>15.998.161.158</b>	<b>9.614.061.437</b>	<b>8.070.796.689</b>
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	23.323.828.500	11.661.914.250	-	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Nam Triệu	7.781.536.093	3.890.768.046	9.394.579.987	7.961.055.964
Các đối tượng khác	890.957.725	445.478.862	219.481.450	109.740.725
<b>Nợ quá hạn trên 2 năm đến dưới 3 năm</b>	<b>19.426.753.394</b>	<b>5.828.026.018</b>	<b>1.298.082.094</b>	<b>377.397.937</b>
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	16.285.059.000	4.885.517.700	-	-
Các đối tượng khác	3.141.694.394	942.508.318	1.298.082.094	377.397.937
<b>Nợ quá hạn trên 3 năm</b>	<b>26.852.189.097</b>	-	<b>2.674.866.046</b>	<b>187.962.806</b>
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	24.021.450.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc	-	-	1.007.493.818	-
Chi nhánh Tổng Xây dựng Đường thủy	-	-	1.040.829.543	-
Công ty Cổ phần Chăm sóc Người cao tuổi	-	-	626.542.685	187.962.806
Các đối tượng khác	2.830.739.097	-	-	-
	<b>81.592.856.523</b>	<b>24.148.501.376</b>	<b>13.587.009.577</b>	<b>8.636.157.432</b>

00-00  
**HÀNH**  
**G TY**  
**M HUU**  
**ITTE**  
**NAM**  
**HOC**

Biến động về dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.950.852.145	-
Tăng trong năm	52.493.503.002	4.950.852.145
Số dư cuối năm	<b>57.444.355.147</b>	<b>4.950.852.145</b>



10. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Nguyên liệu, vật liệu	2.642.042.212	2.784.666.542
Công cụ, dụng cụ	7.082.826.170	5.482.955.200
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.897.596.906	3.435.798.016
Hàng hoá	175.536.364	
	<u><b>32.798.001.652</b></u>	<u><b>11.703.419.758</b></u>
<b>b. Dài hạn</b>		
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	219.579.982



**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	936.422.408.561	473.697.566.105	401.180.201.322	18.443.852.999	27.622.623.923	1.857.366.652.910
Mua sắm mới	-	3.120.480.260	-	60.105.000	-	3.180.585.260
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	167.127.554	385.000.000	1.059.445.455	2.318.104.000	-	3.929.677.009
Thanh lý, nhượng bán	5.870.523.700	350.699.821	4.179.090.909	-	-	10.400.314.430
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>930.719.012.415</b>	<b>476.852.346.544</b>	<b>398.060.555.868</b>	<b>20.822.061.999</b>	<b>27.622.623.923</b>	<b>1.854.076.600.749</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	660.241.836.540	378.126.232.281	314.505.560.837	12.151.650.812	16.731.448.101	1.381.756.728.571
Trích khấu hao trong năm	25.248.650.997	22.055.393.951	18.967.272.995	1.573.646.632	970.892.028	68.815.856.603
Thanh lý, nhượng bán	4.410.290.850	233.990.843	3.368.296.972	-	-	8.012.578.665
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>681.080.196.687</b>	<b>399.947.635.389</b>	<b>330.104.536.860</b>	<b>13.725.297.444</b>	<b>17.702.340.129</b>	<b>1.442.560.006.509</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	<b>276.180.572.021</b>	<b>95.571.333.824</b>	<b>86.674.640.485</b>	<b>6.292.202.187</b>	<b>10.891.175.822</b>	<b>475.609.924.339</b>
Tại ngày cuối năm	<b>249.638.815.728</b>	<b>76.904.711.155</b>	<b>67.956.019.008</b>	<b>7.096.764.555</b>	<b>9.920.283.794</b>	<b>411.516.594.240</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 161.924.481.871 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 150.414.592.788 đồng).



12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	53.041.446.221	2.399.953.663	38.095.238	55.479.495.122
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.795.000.000	72.000.000	1.867.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>53.041.446.221</b>	<b>4.194.953.663</b>	<b>110.095.238</b>	<b>57.346.495.122</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	24.721.645.961	1.703.253.663	18.095.220	26.442.994.844
Khấu hao trong năm	857.578.524	271.699.006	23.904.760	1.153.182.290
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>25.579.224.485</b>	<b>1.974.952.669</b>	<b>41.999.980</b>	<b>27.596.177.134</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	<b>28.319.800.260</b>	<b>696.700.000</b>	<b>20.000.018</b>	<b>29.036.500.278</b>
Tại ngày cuối năm	<b>27.462.221.736</b>	<b>2.220.000.994</b>	<b>68.095.258</b>	<b>29.750.317.988</b>

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất
	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	222.174.136.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	2.541.258.990
Trích khấu hao trong năm	5.416.720.752
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.957.979.742</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	<b>219.632.877.010</b>
Tại ngày cuối năm	<b>214.216.156.258</b>

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2016. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.



**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua sắm tài sản cố định	-	1.256.500.000
Xây dựng cơ bản dở dang	32.238.946.613	27.839.453.084
Sửa chữa lớn tài sản cố định	348.474.390	-
	<b>32.587.421.003</b>	<b>29.095.953.084</b>
Trong đó:		
<i>Khu Dịch vụ hậu cần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước</i>	<i>27.330.444.315</i>	<i>25.740.132.515</i>
<i>Dự án Cảng thép Phú Mỹ</i>	<i>613.927.955</i>	<i>613.927.955</i>
<i>Dự án Soài Rạp 2</i>	<i>935.812.637</i>	<i>935.812.637</i>
<i>Chi phí sửa chữa bến bãi Tân Thuận</i>	-	<i>549.579.977</i>
<i>Công trình bãi Container - Tân Thuận 2</i>	<i>1.548.056.256</i>	-
<i>Tháo dỡ kho 4 - Cảng Tân Thuận 2</i>	<i>1.034.507.400</i>	-
<i>Khe co giãn ray F50 tại cầu cảng K12B, K12C - Tân Thuận</i>	<i>569.916.250</i>	-
<i>Khác</i>	<i>206.281.800</i>	-

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	<b>Số đầu năm và số cuối năm</b>
	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Sài Gòn	11.027.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước	771.104.171.650
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	12.829.969.785
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn	16.748.280.231
Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	21.157.153.707
	<b>832.866.575.373</b>

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (i)	897.410.571.173	804.567.623.847
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP- PSA (ii)	481.093.320.000	481.093.320.000
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn (iii)	34.198.586.309	34.198.586.309
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải (iv)	12.600.000.000	12.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông (v)	-	300.001.000.000
	<b>1.425.302.477.482</b>	<b>1.632.460.530.156</b>

(i) Công ty Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA ("SSA") được thành lập dựa trên văn bản số 1313/TTg-QHQT ngày 25 tháng 8 năm 2006 được ban hành bởi Thủ tướng Chính phủ, chấp thuận chủ trương cấp phép đầu tư và thực hiện Dự án xây dựng và vận hành cảng SSIT tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 491021000018 lần đầu ngày 03 tháng 10 năm 2006. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã góp 897.410.571.173 đồng, tương ứng với 35,13% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của SSA này là quản lý và khai thác cảng SSIT (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 804.567.633.847 đồng).

00-002  
 HANH  
 TY  
 HUU H.  
 TTE  
 AM  
 CHI



Theo tiến độ thực hiện dự án, cảng SSIT bắt đầu đưa vào sử dụng, khai thác từ năm 2010. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Dự án đang trong giai đoạn ngừng đồng từ 2013 đến 2016 theo thống nhất giữa các bên liên doanh và các ngân hàng tài trợ vốn. Theo Phụ lục sửa đổi số 2 ngày 30 tháng 12 năm 2016, bổ sung và sửa đổi Hợp đồng liên doanh, các bên trong liên doanh thống nhất dự án sẽ ngừng đồng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2016, SSA phát sinh khoản lỗ lũy kế với số tiền lần lượt là (1.817.035.580.807) đồng và (2.225.578.193.100) đồng. Theo đó, khoản tổn thất đầu tư tài chính vào SSA cần phải lập dự phòng lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 745.154.406.686 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 533.822.237.487 đồng). Tuy nhiên, theo Công văn số 8164/BTC-TCĐN do Cục Tài chính Doanh nghiệp ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2014, Dự án cảng SSIT đang trong thời gian xây dựng cơ bản và đang trong giai đoạn ngừng đồng (từ 2013 đến 2016), nên chưa có đủ căn cứ để xác định tổn thất. Theo đó, Công ty không trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính tại Liên doanh này.

(ii) Ngày 09 tháng 11 năm 2006, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành văn bản số 1823/TTg-QHQT, chấp thuận chủ trương thực hiện Dự án thành lập Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA, liên doanh giữa Công ty và Công ty PSA Vietnam Pte Ltd (Singapore). Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000007 lần đầu ngày 15 tháng 12 năm 2006. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, việc góp vốn của các bên đã hoàn thành và Dự án bắt đầu đưa vào sử dụng và khai thác từ tháng 5 năm 2009. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp 481.093.320.000 đồng, chiếm 36% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đầu tư. Hoạt động chính của công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA là quản lý và khai thác cảng biển SP-PSA tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(iii) Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên là Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và Công ty TNHH Korea Express góp vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 491022000199 ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp 34.198.586.309 đồng, tương ứng với 50% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ bốc dỡ tại cảng, xếp dỡ container, thông quan và đại lý vận tải.

(iv) Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3502259121 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 21 tháng 7 năm 2014. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp 12.600.000.000 đồng, tương ứng với 21% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là quản lý và khai thác cảng Tổng hợp Thị Vải tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(v) Ngày 29 tháng 12 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 2471/TTg-KTN đồng ý về nguyên tắc cho phép Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn (tiền thân của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn) thành lập pháp nhân mới để thực hiện dự án đầu tư có chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại Khu Nhà Rộng - Khánh Hội, thuộc quyền quản lý của chi nhánh Cảng Nhà Rộng Khánh Hội, theo Quyết định số 46/2010/QĐ-TTg. Tại văn bản số 9592/BGTVT-QLDN ngày 13 tháng 9 năm 2013, Bộ Giao thông Vận tải có ý kiến "chấp nhận về chủ trương cho phép Công ty TNHH Một thành viên Cảng Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam được góp vốn cùng hai đối tác là Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần và Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Bến Nghé thành lập pháp nhân mới theo mô hình công ty TNHH hai thành viên trở lên".

Ngày 27 tháng 12 năm 2013, Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn có Nghị quyết số 787/NQ-HĐTV phê duyệt phương án góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cảng Sài Gòn để thực hiện dự án chuyển đổi công năng khu Cảng Nhà Rộng - Khánh Hội.

Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông (tiền thân là Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cảng Sài Gòn) được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312608890 ngày 08 tháng 01 năm 2014 (sau đây gọi tắt là công ty Ngọc Viễn Đông). Tại thời điểm thành lập, cơ cấu vốn điều lệ của công ty Ngọc Viễn Đông là 1.153.850.000.000 đồng. Trong đó Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn góp 300.001.000.000 đồng tương đương với giá trị cầu tàu tại Khu Nhà Rộng - Khánh Hội, chiếm 26% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn đã được Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn góp đủ.

Trong năm 2016, Công ty Ngọc Viễn Đông thực hiện tăng vốn điều lệ lên 5.400.000.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn không thực hiện việc tăng vốn tương ứng vào liên doanh này, do đó, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn trong Công ty Ngọc Viễn Đông giảm từ 26% ban đầu xuống còn 5,6%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vốn góp vào Công ty Ngọc Viễn Đông được trình bày là một khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 17).



**17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông (Thuyết minh số 16)	300.001.000.000	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (*)	166.684.573.980	166.684.573.980
Công ty TNHH Lai dắt Tàu biển	2.074.564.148	2.074.564.148
	<b><u>468.760.138.128</u></b>	<b><u>168.759.138.128</u></b>

(\*) Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép ("CMIT") được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006. Theo đó, CMIT được thành lập ngày 26 tháng 01 năm 2007 trên cơ sở liên doanh giữa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và APM Terminals. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp 166.684.573.980 đồng, tương ứng với 15% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đầu tư. Hoạt động chính của công ty này là quản lý và khai thác cảng biển.

**18. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	108.000.000.000	-
Trích lập dự phòng trong năm	267.193.145.223	108.000.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>375.193.145.223</u></b>	<b><u>108.000.000.000</u></b>

Chi tiết các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Sài Gòn	1.193.145.223	-
<b>Công ty liên doanh</b>		
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP- PSA (*)	277.027.100.000	80.211.600.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (*)	95.972.900.000	27.788.400.000
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		
Công ty Cổ phần Bông đá Thép Miền Nam - Cảng Sài Gòn	1.000.000.000	-
	<b><u>375.193.145.223</u></b>	<b><u>108.000.000.000</u></b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA và Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép phát sinh khoản lỗ lũy kế với số tiền lần lượt là (2.020.127.978.616) đồng và (3.216.949.468.019) đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản lỗ lũy kế của hai công ty này lần lượt là (1.817.664.527.806) đồng và (2.873.992.486.093) đồng), đã vượt quá vốn chủ sở hữu của hai đơn vị này (vốn chủ sở hữu lần lượt là: 1.025.956.600.000 đồng và 1.110.319.149.822 đồng). Theo đó, khoản tổn thất đầu tư tài chính cần phải lập dự phòng lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 tương ứng với tổng số vốn đầu tư vào hai công ty này lần lượt là 481.093.320.000 đồng và 166.684.573.980 đồng. Tuy nhiên, khoản dự phòng vào hai công ty này được lập theo hướng dẫn của Công văn số 206/BTC-TCDN ngày 24 tháng 3 năm 2015 hướng dẫn trích lập tổn thất các khoản đầu tư tài chính trong phương án sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ("Vinalines") và Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn sau cổ phần hóa. Theo đó, nếu việc trích lập dự phòng tổn thất tài chính theo quy định mà Vinalines và Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn có phát sinh lỗ đột biến với giá trị lớn (tương ứng với giá trị đã hoàn nhập khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) thì được trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính theo tình hình thực tế sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5 năm. Căn cứ vào kết quả kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính vào Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP – PSA và Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép với số tiền lần lượt là 277.027.100.000 đồng và 95.972.900.000 đồng (khoản dự phòng được trích lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 80.211.600.000 đồng và 27.788.400.000 đồng).



**19. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	<u>Số đầu năm và</u> <u>số cuối năm</u> <b>VND</b>
<b>a. Đầu tư cổ phiếu</b>	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	22.750.673.323
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	1.111.976.418
<b>b. Đầu tư bằng quỹ phúc lợi</b>	
Công ty Cổ phần Bông đá Thép Miền Nam - Cảng Sài Gòn	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	780.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	627.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	2.610.820.000
	<b><u>29.880.469.741</u></b>

**20. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	<u>3.820.939.500</u>	<u>-</u>

**21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Tổng công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	4.383.750.000	5.880.938.182
Phải trả các đối tượng khác	14.030.083.365	18.848.903.479
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 41)</b>		
	14.150.179.346	11.866.222.350
	<b><u>32.564.012.711</u></b>	<b><u>36.596.064.011</u></b>

**22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>	<u>Số phải nộp trong năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm</u> <b>VND</b>	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>
<b>Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	7.683.011.719	69.986.949.275	65.898.244.291	11.771.716.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp	279.626.581	14.521.139.620	4.132.546.439	10.668.219.762
Thuế thu nhập cá nhân	202.865.283	2.547.166.027	2.703.395.432	46.635.878
Tiền thuế đất và thuế đất	1.904.491.413	31.305.474.587	30.238.642.569	2.971.323.431
Các khoản phải nộp khác	-	931.800.000	2.000.000	929.800.000
	<b><u>10.069.994.996</u></b>	<b><u>119.292.529.509</u></b>	<b><u>102.974.828.731</u></b>	<b><u>26.387.695.774</u></b>

00112  
 CHI  
 CỘ  
 TỊCH NH  
 )ELI  
 VIỆT  
 - TP.

**23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí cho các công trình công cộng của khu nhà ở cán bộ công nhân viên	18.615.268.240	-
Phải trả khác	195.594.086	52.272.727
	<b>18.810.862.326</b>	<b>52.272.727</b>

**24. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	371.809.239	297.857.963
Bảo hiểm xã hội	-	1.189.653.648
Bảo hiểm y tế	-	224.380.423
Bảo hiểm thất nghiệp	-	99.504.294
Phải trả về cổ phần hoá (i)	65.733.109.900	65.733.109.900
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.118.174.006	-
Phải trả cho Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông (ii)	216.476.435.674	56.176.777.858
Phải trả cho Tổng Công ty Xây dựng Số 1 ("CC1") (trình bày tại Thuyết minh số 8) (iii)	20.000.000.000	-
Phải trả khác	5.574.623.428	28.460.123.437
	<b>314.274.152.247</b>	<b>152.181.407.523</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.796.246.520	6.422.088.920
Phải trả cho Tổng Công ty Xây dựng Số 1 ("CC1") (trình bày tại Thuyết minh số 8) (iii)	-	35.368.799.086
Phải trả Bộ Tài chính về ứng vốn Dự án Cảng Sài Gòn Hiệp Phước (iv)	599.000.000.000	599.000.000.000
Phải trả công ty PSA Vietnam Pte. Ltd. (trình bày tại Thuyết minh số 8)	249.907.680.000	249.907.680.000
	<b>851.703.926.520</b>	<b>890.698.568.006</b>

(i) Phải trả về cổ phần hóa bao gồm thu nhập từ việc bán cổ phần khi thực hiện cổ phần hóa. Khoản tiền này sẽ được căn trừ với khoản phải thu về cổ phần hóa khi thực hiện quyết toán vốn Nhà nước tại Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, việc quyết toán vốn Nhà nước khi thực hiện cổ phần hóa vẫn chưa được xử lý xong.

(ii) Đây là khoản tiền tạm ứng vốn của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông để hỗ trợ Công ty đẩy mạnh công tác di dời Cảng Nhà Rồng- Khánh Hội cũng như hoàn thiện công tác xây dựng dự án cảng Sài Gòn Hiệp Phước theo Biên bản họp giữa các đối tác tham gia dự án chuyển đổi công năng khu Nhà Rồng Khánh Hội của Cảng Sài Gòn ngày 24 tháng 6 năm 2013. Sau khi công tác di dời hoàn tất, việc quyết toán khoản tạm ứng vốn này sẽ được thực hiện giữa Công ty, Bộ Tài chính và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông (Thuyết minh số 8).

(iii) Đây là khoản phải trả cho Tổng Công ty Xây dựng Số 1 ("CC1"), liên quan đến việc Công ty thay mặt Công ty Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn ("SSA") – công ty liên doanh của Công ty, nhận và thanh toán công nợ giữa SSA và CC1. Chi tiết công nợ với SSA được trình bày tại Thuyết minh số 8. Khoản thanh toán hệ này sẽ được chuyển thành vốn góp của Công ty trong SSA theo bản sửa đổi điều lệ Liên doanh ký ngày 20 tháng 12 năm 2014. Trong năm 2016, Công ty đã thanh toán cho CC1 với số tiền 15.368.799.086 đồng, tương ứng với phần tăng vốn góp vào SSA trong năm.

(iv) Khoản phải trả Bộ Tài chính liên quan đến khoản tạm ứng vốn từ Ngân sách phục vụ cho Dự án xây dựng Cảng Sài Gòn Hiệp Phước, thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước, công ty con của Công ty. Theo Quyết định số 46/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 06 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, khoản ứng trước vốn này sẽ phải hoàn trả cho ngân sách nhà nước khi công tác xây dựng Cảng Sài Gòn Hiệp Phước hoàn tất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Dự án đang trong quá trình xây dựng.



**25. VAY**

Chi tiết các khoản vay như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Bangkok	-	272.160.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	-	7.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	-	5.159.700.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (*)	287.690.400.000	64.125.000.000
Ngân hàng Thế giới (WB) (**)	1.126.994.576	2.253.989.152
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) (***)	270.638.988.492	268.334.426.039
	<b>559.456.383.068</b>	<b>619.033.115.191</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Trình bày tại mục Vay ngắn hạn)	(79.980.536.274)	(62.570.064.576)
	<b>479.475.846.794</b>	<b>556.463.050.615</b>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	79.980.536.274	62.570.064.576
Trong năm thứ hai	78.853.541.761	80.609.956.699
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	219.460.625.283	231.979.281.368
Sau năm năm	181.161.679.750	243.873.812.548
	<b>559.456.383.068</b>	<b>619.033.115.191</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Trình bày tại mục Vay ngắn hạn)	(79.980.536.274)	(62.570.064.576)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>479.475.846.794</b>	<b>556.463.050.615</b>

(\*) Khoản vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình:

Hợp đồng vay dài hạn số 2930/15/TD/XXXV.4 ngày 07 tháng 9 năm 2015 với hạn mức 3.150.000 đô la Mỹ. Khoản vay có thời hạn 60 tháng và đáo hạn vào ngày 31 tháng 7 năm 2020 với lãi suất vay là 3%/ năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ quyền tài sản phát sinh hoặc liên quan đến Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn, SSA Holding International Viet Nam., INC và các bên khác có liên quan đến Hợp đồng liên doanh ký tháng 11 năm 2005 (bao gồm tất cả hợp đồng sửa đổi, bổ sung Phụ lục của Hợp đồng liên doanh). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư của khoản nợ vay là 2.250.000 đô la Mỹ (tương đương 51.300.000.000 đồng) (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.850.000 đô la Mỹ, tương đương 64.125.000.000 đồng).

Hợp đồng vay dài hạn số 1477/16/TD/XXXV.4 ngày 17 tháng 6 năm 2016 với hạn mức là 11.232.000 đô la Mỹ. Khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 10 năm 2022 với lãi suất vay là 3%/ năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ quyền tài sản phát sinh hoặc liên quan đến Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn, SSA Holding International Viet Nam., INC và các bên khác có liên quan đến Hợp đồng liên doanh ký tháng 11 năm 2005 (bao gồm tất cả hợp đồng sửa đổi, bổ sung Phụ lục của Hợp đồng liên doanh) và hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 1.000.000 đô la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam tương đương (Thuyết minh số 6). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay đã được giải ngân toàn bộ và số dư của khoản nợ vay là 10.368.000 đô la Mỹ (tương đương 236.390.400.000 đồng).

(\*\*) Khoản vay của Công ty với Ngân hàng Thế Giới theo Hiệp định vay phụ về việc sử dụng khoản tín dụng số 3000 -VND của Hiệp Hội Phát Triển Quốc Tế ngày 10 tháng 02 năm 1998 với hạn mức 720.000 SDR. Khoản vay có thời hạn 15 năm và đáo hạn vào ngày 15 tháng 10 năm 2017. Nợ gốc được thanh toán 2 lần/năm với lãi suất vay là 6,6%/ năm.

(\*\*\*) Khoản vay của Công ty với Ngân hàng Phát triển Châu Á theo Hiệp định vay về Dự án Cảng Sài Gòn giữa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ngày 16 tháng 6 năm 1995 với hạn mức 20.590.000 SDR. Khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 01 tháng 5 năm 2027. Nợ gốc được thanh toán 2 lần/năm với lãi suất vay là 1%/ năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư của khoản nợ vay là 12.258.311 đô la Mỹ (tương đương 270.638.988.492 đồng) (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 12.258.311 đô la Mỹ, tương đương 268.334.426.039 đồng).



**26. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Quỹ này hình thành từ việc trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>Quỹ khen thưởng</b>	<b>Quỹ phúc lợi</b>	<b>Quỹ phúc lợi hình thành tài sản cố định</b>	<b>Quỹ thưởng ban quản lý Công ty</b>	<b>Cổ phiếu đầu tư bằng quỹ phúc lợi</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>17.501.361.355</b>	<b>10.757.795.402</b>	<b>3.708.213.919</b>	<b>227.739.407</b>	<b>5.017.820.000</b>	<b>37.212.930.083</b>
Tăng khác	-	487.629.092	-	-	-	487.629.092
Dự phòng khoản đầu tư bằng quỹ phúc lợi	-	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Sử dụng quỹ	6.462.530.000	1.116.939.954	382.709.601	221.670.000	-	8.183.849.555
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.038.831.355</b>	<b>10.128.484.540</b>	<b>3.325.504.318</b>	<b>6.069.407</b>	<b>4.017.820.000</b>	<b>28.516.709.620</b>

Công ty đã sử dụng một phần quỹ phúc lợi để tiến hành mua cổ phiếu, góp vốn vào các tổ chức tài chính và một số công ty cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty phát sinh khoản lỗ từ hoạt động đầu tư này và đã tiến hành trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính theo quy định. Chi tiết các khoản đầu tư bằng quỹ phúc lợi được trình bày tại Thuyết minh số 19.



**27. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn liên quan đến quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập cho người lao động làm việc tại Công ty phù hợp với Quy chế Tài chính của Công ty và các quy định hiện hành.

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	2.162.949.610.000	13.072.879.088	15.959.700.354	2.191.982.189.442
Lợi nhuận trong năm	-	-	26.453.522.204	26.453.522.204
Phân bổ các quỹ	-	7.306.110.106	(14.127.651.808)	(6.821.541.702)
Tăng khác	-	-	6.098.627.972	6.098.627.972
Giảm khác	-	-	(1.904.491.413)	(1.904.491.413)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>2.162.949.610.000</b>	<b>20.378.989.194</b>	<b>32.479.707.309</b>	<b>2.215.808.306.503</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	49.762.090.618	49.762.090.618
Giảm khác (i)	-	-	(718.716.514)	(718.716.514)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>2.162.949.610.000</b>	<b>20.378.989.194</b>	<b>81.523.081.413</b>	<b>2.264.851.680.607</b>

(i) Đây là khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn hoạt động trước khi Công ty tiến hành cổ phần hóa và sẽ được xử lý khi quyết toán vốn Nhà nước trước cổ phần hóa.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 2.162.949.610.000 đồng. Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

<b>Cổ phần</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng		
+ Cổ phần phổ thông	216.294.961	216.294.961
- Số lượng cổ phần đang lưu hành		
+ Cổ phần phổ thông	216.294.961	216.294.961

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán tại Công ty như sau:

	<b>Số đầu năm và số cuối năm</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.415.649.060.000	65.4
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	196.166.270.000	9.1
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	160.900.000.000	7.4
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	282.703.200.000	13.1
Cổ đông khác	107.531.080.000	5.0
	<b>2.162.949.610.000</b>	<b>100</b>

2012  
 CHI  
 CỘ  
 CH NH  
 DELI  
 VIỆT  
 TP

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 330/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2016, hai cổ đông chiến lược của Công ty là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc thoái vốn của hai cổ đông này tại Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, việc thoái vốn của hai cổ đông này chưa được thực hiện.

Thực hiện theo hướng dẫn của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ban hành ngày 18 tháng 7 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (gọi tắt là "cổ phần hóa"), Công ty đã chuyển hình thức hoạt động sang công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 10 năm 2015. Tuy nhiên, việc quyết toán vốn nhà nước và quyết toán thuế cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 trước khi Công ty cổ phần hóa chưa được thực hiện. Khi hoàn thành việc quyết toán vốn nhà nước và quyết toán thuế, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh số liệu cho kỳ kế toán có liên quan.

**29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
▫ Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	2.818.241.959	2.818.241.959
▫ Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	57.655.430	57.655.430
Ngoại tệ (USD)	<u>167.731</u>	<u>306.842</u>

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh cảng và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực cảng. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (nhỏ hơn 10%) và kết quả hoạt động của Công ty, do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – Báo cáo bộ phận, Công ty không phải lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận. Thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**31. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khai thác cảng	1.032.803.627.179	292.302.327.990
Doanh thu từ hoạt động xây lắp	37.904.660.418	8.570.551.644
Doanh thu từ hoạt động khác	2.829.025.676	446.189.771
	<u><b>1.073.537.313.273</b></u>	<u><b>301.319.069.405</b></u>

**32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hoạt động cung cấp dịch vụ khai thác cảng	580.872.490.450	146.784.738.972
Giá vốn của hoạt động xây lắp	35.417.875.312	8.095.707.100
Giá vốn của hoạt động khác	1.815.209.144	236.546.203
	<u><b>618.105.574.906</b></u>	<u><b>155.116.992.275</b></u>

00-002  
 HÁNH  
 S TY  
 NHỮU  
 ITTE  
 NAM  
 HỘ CH



**33. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.267.321.684	19.037.991.004
Chi phí nhân công	269.183.605.866	84.657.033.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	75.045.927.072	20.379.208.639
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	52.493.503.002	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	310.256.481.611	43.970.572.498
Chi phí khác bằng tiền	74.937.860.688	24.080.086.661
	<b>849.184.699.923</b>	<b>192.124.892.554</b>

**34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.399.346.861	591.080.000
Lãi tiền gửi	10.520.806.742	1.854.464.507
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.567.852.470	87.953.337
	<b>22.488.006.073</b>	<b>2.533.497.844</b>

**35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	13.813.111.442	4.515.318.930
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.249.489.051	249.323.987
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	266.193.145.223	108.000.000.000
	<b>288.255.745.716</b>	<b>112.764.642.917</b>

**36. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	127.876.902.521	23.405.366.272
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.169.992.776	1.918.691.100
Chi phí khấu hao	5.015.467.998	1.707.911.224
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	52.493.503.002	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.266.287.299	2.788.311.325
Chi phí khác	16.795.172.531	7.187.620.358
	<b>211.617.326.127</b>	<b>37.007.900.279</b>



**37. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	3.623.030.305	-
Đánh giá lại khoản đầu tư vào công ty liên doanh	-	2.417.937.277
Tiền thuê đất năm 2011, 2013 và 2014 được miễn giảm	-	19.920.379.255
Thu nhập từ bán quyền góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông	75.000.000.000	-
Thu nhập khác	7.772.900.863	1.075.577.609
	<b><u>86.395.931.168</u></b>	<b><u>23.413.894.141</u></b>

**38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	14.521.139.620	4.781.442.478
Hoàn nhập khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước (*)	-	(8.910.055.236)
Tổng chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b><u>14.521.139.620</u></b>	<b><u>(4.128.612.758)</u></b>

(\*) Đây là khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn từ năm 2011 – năm 2013 theo Quyết định số 3348/QĐ-CT ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh về việc xử lý thuế đối với Công ty TNHH Cảng Sài Gòn qua thanh tra và Công ty đã ghi nhận khoản truy thu thuế này vào báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (giai đoạn trước cổ phần hóa). Căn cứ vào kết quả làm việc giữa Công ty, Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Cục thuế ngày 24 tháng 12 năm 2015, Công ty không bị truy thu thuế thu nhập cho giai đoạn từ năm 2011 – năm 2013 theo như Quyết định xử phạt 3348/QĐ-CT đề cập ở trên. Đồng thời, kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015, Công ty TNHH Cảng Sài Gòn chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần, do đó, Công ty quyết định ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp vào báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 liên quan đến khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 (giai đoạn trước cổ phần hóa).

Thực hiện theo hướng dẫn của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ban hành ngày 18 tháng 7 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (gọi tắt là "cổ phần hóa"), Công ty đã chuyển hình thức hoạt động sang công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 10 năm 2015. Tuy nhiên, việc quyết toán vốn nhà nước và quyết toán thuế cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 trước khi Công ty cổ phần hóa chưa được thực hiện. Khi hoàn thành việc quyết toán vốn nhà nước và quyết toán thuế, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh số liệu cho kỳ kế toán có liên quan.





Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	60.462.290.738	22.324.909.446
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	9.520.780.263	591.080.000
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	21.664.187.623	-
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	72.605.698.098	21.733.829.446
Thuế suất	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành</b>	<b><u>14.521.139.620</u></b>	<b><u>4.781.442.478</u></b>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (năm 2015: 22%) tính trên thu nhập tính thuế.

**39. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	15.940.909.091	3.795.454.545

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	15.940.909.091	-
Trên 1 năm đến 5 năm	58.435.442.092	-
	<b><u>74.376.351.183</u></b>	<b><u>-</u></b>

Cam kết thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho Công ty TNHH Một Thành viên Thép Miền Nam về việc thuê cầu cảng với giá thuê 15.940.909.091 đồng/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 08 năm 2021.

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 25 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	559.456.383.068	619.033.115.191
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	138.328.988.290	156.629.372.237
Nợ thuần	421.127.394.778	462.403.742.954
Vốn chủ sở hữu	2.264.851.680.607	2.215.808.306.503
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>0,19</u></b>	<b><u>0,21</u></b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.328.988.290	156.629.372.237
Đầu tư tài chính	359.937.323.746	90.639.607.869
Phải thu khách hàng	172.087.877.741	151.463.411.659
Phải thu khác	522.899.458.552	659.729.485.740
	<b><u>1.193.253.648.329</u></b>	<b><u>1.058.461.877.505</u></b>
Các khoản vay	559.456.383.068	619.033.115.191
Phải trả người bán	32.564.012.711	36.596.064.011
Chi phí phải trả	18.810.862.326	52.272.727
Phải trả khác	1.165.606.269.528	1.041.068.579.201
	<b><u>1.776.437.527.633</u></b>	<b><u>1.696.750.031.130</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.





*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Tài sản</b>		<b>Công nợ</b>	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đô la Mỹ (USD)	266.113.605.538	257.207.993.751	808.237.068.492	859.686.806.039

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

- Phân tích sau đây thể hiện độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đô la Mỹ tăng/giảm 3% so với Đồng Việt Nam. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng là 16.263.703.889 đồng (kỳ hoạt động từ 01 tháng 10 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015: 18.074.364.369 đồng).

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan của Công ty.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>31/12/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.328.988.290	-	138.328.988.290
Đầu tư tài chính	236.489.861.100	123.447.462.646	359.937.323.746
Phải thu khách hàng	172.087.877.741	-	172.087.877.741
Phải thu khác	272.991.778.552	249.907.680.000	522.899.458.552
	<b>819.898.505.683</b>	<b>373.355.142.646</b>	<b>1.193.253.648.329</b>
Các khoản vay	79.980.536.274	479.475.846.794	559.456.383.068
Phải trả người bán	32.564.012.711	-	32.564.012.711
Chi phí phải trả	18.810.862.326	-	18.810.862.326
Phải trả khác	313.902.343.008	851.703.926.520	1.165.606.269.528
	<b>445.257.754.319</b>	<b>1.331.179.773.314</b>	<b>1.776.437.527.633</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>374.640.751.364</b>	<b>(957.824.630.668)</b>	<b>(583.183.879.304)</b>
<b>31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	156.629.372.237	-	156.629.372.237
Đầu tư tài chính	-	90.639.607.869	90.639.607.869
Phải thu khách hàng	107.500.742.675	43.962.668.984	151.463.411.659
Phải thu khác	374.353.506.654	285.375.979.086	659.729.485.740
	<b>638.483.621.566</b>	<b>419.978.255.939</b>	<b>1.058.461.877.505</b>
Các khoản vay	62.570.064.576	556.463.050.615	619.033.115.191
Phải trả người bán	36.596.064.011	-	36.596.064.011
Chi phí phải trả	52.272.727	-	52.272.727
Phải trả khác	150.370.011.195	890.698.568.006	1.041.068.579.201
	<b>249.588.412.509</b>	<b>1.447.161.618.621</b>	<b>1.696.750.031.130</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>388.895.209.057</b>	<b>(1.027.183.362.682)</b>	<b>(638.288.153.625)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.





**41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	Công ty con
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA	Công ty liên kết
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA	Công ty liên kết

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Sài Gòn	-	50.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước	693.340.000	104.040.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	1.171.301.308	139.383.690
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn	1.666.060.646	920.116.365
Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	2.886.089.173	818.383.143
Công ty Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA	70.431.043.854	35.277.625.908
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	465.832.408	115.728.284
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	148.367.093	-
	<b>77.462.034.482.00</b>	<b>37.425.277.390</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn	4.535.517.230	312.272.727
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	18.758.679.184	2.230.621.573
Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	108.519.364.278	25.416.366.824
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Sài Gòn	64.500.000	46.248.000
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	18.002.112.035	3.971.518.909
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	1.154.735.218	2.312.077.990
	<b>151.034.907.945</b>	<b>34.289.106.023</b>

1250C  
 II NH.  
 ÔNG  
 NHIỆM  
 LOIT  
 T NA  
 P. HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu nhập cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Sài Gòn	-	591.080.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	1.011.920.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn	1.672.800.000	-
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	1.814.466.861	-
Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	2.082.800.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	2.817.360.000	-
	<b>9.399.346.861</b>	<b>591.080.000</b>

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương và các khoản thu nhập khác	5.202.200.000	1.218.420.000

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn	694.402.610	436.130.653
Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	-	7.758.261
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	42.237.155	43.714.175
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước	3.303.252.470	2.568.881.144
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	184.751.800	-
Công ty Cổ phần Cảng Tổng Hợp Thị Vải	-	6.396.443
	<b>4.224.644.035</b>	<b>3.062.880.676</b>
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước	213.125.608.013	55.992.379.693
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA	249.907.680.000	249.907.680.000
Công ty Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế CSG - SSA	20.000.000.000	35.368.799.086

002  
 NH  
 TY  
 ƯU H  
 TE  
 M  
 CHI



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	1.837.038.774	1.007.626.279
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn	249.567.643	-
Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	9.030.646.311	6.860.252.900
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Sài Gòn	8.368.800	8.368.800
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	2.686.916.386	2.693.457.233
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	-	958.875.706
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA	337.641.432	337.641.432
	<b>14.150.179.346</b>	<b>11.866.222.350</b>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Cảng Sài Gòn	368.913.919	-
<b>Phải trả về cho vay dài hạn và lãi</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn	-	7.130.588.889
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	-	31.087.102

**42. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác trong năm không bao gồm 77.474.148.240 đồng, là số tiền góp vốn đầu tư trong năm đã được cản trừ với các khoản phải thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



**Hoàng Đình Phi**  
**Người lập biểu**



**Nguyễn Thị Thu Hà**  
**Kế toán trưởng**



**Võ Hoàng Giang**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 22 tháng 3 năm 2017